

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 03 - 2024

“V/v: Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G- TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Trần Thị Lệ

2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 29 tháng 03 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 573/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HN ngày 19/03/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/11/1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 26/1/1 đường S, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 553/1 đường D, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023; bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày: Chị N và anh Đ tự nguyện quen biết rồi tổ chức lễ cưới vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. **Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại gia đình vợ địa chỉ số 26/1/1 đường Ngô Văn Sở, phường An Hoà, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2017 vợ chồng sống ly thân nhưng sau đó đã hàn gắn tình cảm đến tháng 5/2023 thì vợ chồng chính thức sống ly thân đến nay.**

Nguyên nhân: Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi nhau, anh Đ còn quen biết yêu đương với người phụ nữ khác bên ngoài về kiếm chuyện lần đánh đập và đe dọa, xúc phạm chị N. Nay xét thấy không còn tính cảm nên không thể tiếp tục chung sống do đó chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Hồng N xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Như N, sinh ngày 13/04/2016 hiện nay đang sinh sống cùng chị N. Chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Hồng N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N xác định không còn tình cảm yêu thương với anh Đ nữa và yêu cầu được ly hôn với anh Đ; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thiện Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thiện Đ và anh Đ là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thiện Đ không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh Đ cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Đ theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Thiện Đ tự nguyện quen biết rồi tổ chức lễ cưới vào năm 2015, từ thời điểm chung sống với nhau cho đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến cự cãi nhau. **Vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ tháng 05/2023 đến nay.** Tại phiên tòa chị N khẳng định không thể hàn gắn vì không còn tình cảm với anh Đ nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Chị N và anh Đ mặc dù đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và quyết định không công nhận anh Đ và chị N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Hồng N xác định anh Đ, chị N chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Như N, sinh ngày 13/04/2016. Chị N yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, cháu N là bé gái, từ nhỏ đã sinh sống cùng chị N, do chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng và cháu N phát triển tốt về mọi mặt. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu N cũng mong muốn được sinh sống cùng với mẹ (chị N) (được thể hiện tại biên bản ghi ý kiến ngày 07/03/2024), do đó giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con **nên Hội đồng xét xử không xem xét.**

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Hồng N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đ không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh Đ có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Thiện Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hồng N nuôi dưỡng người con tên Nguyễn Như N, sinh ngày 13/04/2016. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh Nguyễn Thiện Đ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Hồng N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0002887 ngày 08/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/03/2024). Bị đơn anh Nguyễn Thiện Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thuỳ Linh